

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 20/9/2022.
V/v “Yêu cầu chia tài sản sau
khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Văn Phú.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Quốc Thảo.

2. Ông Phạm Ngạch.

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Bích Khuyên - Thư ký Toà án nhân dân huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 20/9/2022, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện H, tỉnh Hà Tĩnh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 92/2021/TLST-HNGĐ ngày 15/12/2021 về việc “Yêu cầu chia tài sản sau khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2022/QĐXXST-DS ngày 24/8/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1019/2022/QĐST-DS ngày 12/9/2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phan Thị K. Sinh năm 1953. Địa chỉ: Xóm T, xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Bùi Thanh T. Sinh năm 1948. Địa chỉ: Xóm T, xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- UBND xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh do ông Cao Quốc Hội, chức vụ: Chủ tịch UBND xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh, là đại diện theo pháp luật ủy quyền cho ông bà Phan Thị Thanh Hà, chức vụ: Cán bộ địa chính UBND xã H; có mặt.

- Anh Lê P H. Sinh năm 1976 và Chị Phạm Thị H, sinh năm 1975. Đều trú tại: Xóm T, xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Anh H có mặt, chị H vắng mặt.

- Chị Bùi Thị Hà P. Sinh năm 1985. Địa chỉ: Tổ dân phố 5, thị trấn H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt.

- Anh Bùi Trường V. Sinh năm 1988. Địa chỉ: PH T quận T, Thành Phố Hà Nội. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên toà ngày hôm nay, nguyên đơn bà Phan Thị K trình bày:

Bà K và ông Bùi Thanh T cùng nhau đăng ký kết hôn vào ngày 23/6/1975, tại UBND xã H, huyện H và đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 41/2021/QĐST-HNGĐ ngày 04/6/2021 của TAND huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Trong vụ án ly hôn, ông bà không yêu cầu Tòa án chia tài sản chung nên Tòa án chưa giải quyết về phần chia tài sản.

Sau khi ly hôn bà K và ông T không thể tự thỏa thuận được với nhau về chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân được nên bà K làm đơn yêu cầu Tòa án chia tài sản chung theo quy định pháp luật. Theo đơn khởi kiện, đề ngày 09/6/2021 và trong quá trình giải quyết bà K xác định tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của bà K và ông T gồm có:

- Về đất đai: Thửa đất số 173, tờ bản đồ số 13, có diện tích 2022m²; Thửa đất số 121, tờ bản đồ số 10, có diện tích 557,5m²; Thửa đất số 102, tờ bản đồ số 13, có diện tích 268,2m²; Thửa đất số 103, tờ bản đồ số 13, có diện tích 331,5m²; Thửa đất số 38, tờ bản đồ số 18, có diện tích 371,6m²; Thửa đất số 232, tờ bản đồ số 13, có diện tích 637,4m²; Thửa đất số 258, tờ bản đồ số 13 (Cánh đồng Xoang), có diện tích 899,8m², là đất nhận thầu của UBND xã H; Thửa đất số 224, tờ bản đồ số 13 (Đồng cây Xoài), có diện tích 1523,2m².

- Về nhà ở: 01 nhà gỗ 3 gian, thưng đóng đầy đủ và 01 nhà xây, có công trình phụ liền kề.

- Về tài sản khác: 01 chiếc tivi 43in, nhãn hiệu LG, mua năm 2015, lúc mua giá trị 10.000.000đ; 01 tủ lạnh Hitachi, mua năm 2018, lúc mua giá trị 12.000.000đ; 01 Điều hòa, nhãn hiệu Panasonic, mua năm 2015, lúc mua giá trị 9.000.000đ; 01 Máy giặt Sanyo, mua năm 2014, lúc mua giá trị 5.000.000đ; 01 Bình nóng lạnh, nhãn hiệu Asiton, lúc mua giá trị 4.000.000đ; 01 Ổn áp lioa. 55KW, mua năm 2019, lúc mua giá trị 3.000.000đ; 01 Xe máy Vison, BKS 38B1-118.40, mua năm 2015, mang tên Bùi Thanh T, lúc mua giá trị 36.000.000đ; 01 xe máy Cup, BKS 38FA.6730, mua năm 1981, mang tên Bùi Thanh T lúc mua giá trị 15.000.000đ;

Nay có nguyện vọng được chia các tài sản như sau: Xin được chia sử dụng ½ đất vườn ở phía sau phần không có nhà, tại Thửa đất số 173, tờ bản đồ số 13 đã được cấp giấy cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV908698, ngày 25/8/2015 và toàn bộ cây cối trên phần đất này. Thửa đất số 244, tờ bản đồ số 13 (đất trồng cây lâu năm) có diện tích 1523,2m² và các tài sản có trên đất. 01 chiếc xe mô tô cúp 81. Còn lại các tài sản khác chia theo pháp, người nào nhận tài sản giá trị lớn hơn thì phải trả bằng tiền.

Bà K không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông T, về việc đề nghị chia đôi số tài sản hiện nay bà K đang nắm giữ bằng tổng số tiền 381.420.000đ bao gồm tiền bán đất nông nghiệp, bán Gió Trầm, vàng và số tiền ông đã đầu tư, mua cây giống, chăm sóc cây là không có. Tiền vợ chồng bán cây đã cho hai con làm nhà,

cưới vợ cho con, xây dựng các công trình nhà ở và mua sắm tài sản, còn cây trồng trên đất sau khi bán cây gió trầm lấy tiền để trồng mới lại cây.

Tài liệu, chứng cứ bà K cung cấp: Trích lục kết hôn; quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự; giấy chứng nhận QSD đất cấp ngày 26/11/1996, vào sổ cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất do UBND huyện H cấp; giấy CNQSDĐ số BV908698, ngày 25/8/2015; giấy CNQSDĐ số 046806, ngày 07/8/2018; giấy CNQSDĐ số 676585, ngày 30/6/2015; hợp đồng số 237/HĐ-TT thỏa thuận về việc sử dụng đất hoa lợi công ích; giấy chứng nhận đăng đăng ký mô tô số 0070933; giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 002386.

Bị đơn ông Bùi Thanh T trình bày tại bản tự khai, đơn yêu cầu phản tố và tại phiên tòa:

Bà K kê khai tài sản chưa đúng, cụ thể: Thừa đất nông nghiệp đất rì rì và thừa đất ở eo máy bơm bà K đã bán cho cháu của bà K vào năm 2014, với giá 12.000.000đ, nhưng chưa chia tiền cho ông T; Vào năm 2015 bán cây Gió Trầm tổng số tiền 200.000.000đ; năm 2017 bán cây Gió Trầm tổng số tiền 80.000.000đ và 13 chỉ vàng 9999 trị giá khoảng 65.000.000đ; toàn bộ số tiền bán cây Gió Trầm và vàng ông đã đưa cho bà K giữ; Ngoài ra, vào năm 2017 ông T đã đầu tư mua cây Gió Trầm giống để trồng và chăm sóc hết số tiền 24.420.000đ. Tổng cộng bằng tiền là: 381.420.000đ

Ông T xác định tài sản chung của ông T và bà K bao gồm: Thừa đất số 173, tờ bản đồ số 13, có diện tích 2022m²; Thừa đất số 102, tờ bản đồ số 13, có diện tích 268,2m²; Thừa đất số 103, tờ bản đồ số 13, có diện tích 331,5m²; Thừa đất số 38, tờ bản đồ số 18, có diện tích 371,6m²; Thừa đất số 232, tờ bản đồ số 13, có diện tích 637,4m²; Thừa đất số 258, tờ bản đồ số 13 có diện tích 899,8m², là đất nhận thầu của UBND xã H; Thừa đất số 224, tờ bản đồ số 13 có diện tích 1523,2m².

- Về nhà ở và các tài sản khác có trong nhà như bà K trình bày là đúng.

Ông T đề nghị chia đôi số tiền hiện nay bà K đang nắm giữ 381.420.000đ (Bao gồm tiền bán đất nông nghiệp, bán Gió Trầm, tiền vàng và số tiền ông đã đầu tư, mua cây giống, chăm sóc cây), còn các tài sản hiện có thì ông T có nguyện vọng được sử dụng toàn bộ thừa đất số 173 và tài sản có trên đất trên đó 02 ngôi nhà, toàn bộ cây cối được trồng trên thừa đất này. Còn các thừa đất khác ông T để bà K được quyền sử dụng và các tài sản có trên đất.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê P H trình bày: Ngày 24/12/2014 ông T và bà K làm Giấy chuyển nhượng vợ chồng anh H 01 thửa đất sản xuất nông nghiệp, tại cánh đồng Rì rì thuộc xóm T, xã H, có xác nhận của xóm và UBND xã H, vì là cháu của ông bà chưa làm thủ tục để cấp đất theo qui định. Năm 2015 ông T, bà K làm thủ tục cấp giấy cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 676585, ngày 30/6/2015 đã cấp cho ông T và bà K mảnh đất này vào giấy cấp giấy cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chung của ông T và bà K, nay anh H biết ông bà đang giải quyết vụ án chia tài sản chung tại tòa án nên đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông T, bà K phải tách diện

tích đất này cho gia đình anh H để anh H làm thủ tục sang tên được sử dụng hợp pháp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Bùi Thị Hà P trình bày tại bản tự khai: Chị P là con gái đầu của ông T bà K, năm 2016 chị P được cha mẹ ông T, bà K thống nhất cho số tiền 100.000.000đ trong thời gian chị P đang làm nhà có khó khăn về kinh tế, tiền này do cha mẹ bán cây gió trầm và số tiền tích góp của cha mẹ mà có; Chị P có 1 chỉ vàng có gửi cho bà K cất dùm, nay chị đã lấy lại; Cuối năm 2018 chị P có tặng mẹ 01 chỉ vàng nhân dịp sinh nhật mẹ, đây là tài sản tặng riêng mẹ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Bùi Trường V trình bày tại bản tự khai: Anh Bùi Trường V con trai của ông T, bà K năm 2016 được cha mẹ tặng cho số tiền 100.000.000đ để làm đám cưới, hai cha mẹ thống nhất cho, tôi nhất trí vì đây là tiền bán cây gió trong vườn của cha mẹ; năm 2018 anh V có tặng mẹ (bà K) 01 chỉ vàng nhân dịp sinh nhật mẹ, đây là tài sản tặng riêng mẹ.

Đại diện UBND xã H, huyện H trình bày quan điểm:

Thửa đất số 258, tờ bản đồ số 13 tại xóm T, xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh, là đất công ích của UBND xã H, huyện H, cho hộ gia ông T, bà K thuê đất để trồng cây, thời hạn thuê đất là 5 năm kể từ tháng 6/2018 đến tháng 6/2023, loại đất màu, nay xem xét thẩm định tại chỗ có diện tích 899,8m² Đất nay đang do UBND xã đang quản lý, hết thời hạn thuê đất xã sẽ thanh lý hợp đồng nên đề nghị tòa án không giải quyết chia thửa đất này. Thửa đất số Thửa đất số 224, tờ bản đồ số 13 (Đồng cây Xoài), đã được xem xét thẩm định tại chỗ có diện tích 1523,2m² tại xóm T, xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Phan Thị K, cấp ngày 26/11/1996 do UBND huyện H cấp số thửa 120, tờ bản đồ số 2 có diện tích 500m² là đất màu với thời hạn sử dụng là 20 năm tại xứ cây xoài, đất này được cấp chung với nhiều thửa đất khác, nay đã bị thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này vào năm 2015. Thời điểm năm 2015 và năm 2018 ông T bà K không kê khai đề cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này. Nay đề nghị Tòa án giải quyết thửa đất số 224, tờ bản đồ số 13 có diện tích 1523,2m², đất đã được sử dụng ổn định, không có tranh chấp với ai được giải quyết chia theo qui định của pháp luật.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã hòa giải nhiều lần nhưng ông T, bà K không thỏa thuận được về việc chia tài sản chung. Xét thấy vụ án cần được tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản mới giải quyết được vụ án, nên ngày 18/02/2022, Tòa án đã thành lập Hội đồng xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản trong tổ tụng dân sự. Các tài sản đưa ra thẩm định, định giá đã được các bên đương sự cùng thừa nhận để làm căn cứ giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Kết quả định giá tổng giá trị tài sản là: Về đất đai: Có 8 thửa đất có tổng trị giá: 339.037.440 đồng, trong đó có thửa đất số 258, tờ bản đồ số 13, có diện tích 899,8m², là đất trồng cây lâu năm có trị giá: 43.280.380đ được định giá nhưng không giải quyết vì đất nhận thầu của UBND xã đang quản lý. Nhà của,

công trình, kiến trúc, vật dụng trong gia đình có tổng trị giá: 235.368.830 đồng; Cây cối, hoa màu được trồng trên các thửa đất có tổng trị giá: 127.546.500 đồng. Ngoài ra còn có một số tài sản, vật dụng khác, các bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết và thẩm định, định giá tài sản nên không xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát, kiểm sát việc tuân theo pháp luật có ý kiến như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi Tòa án tiến hành thụ lý đơn, giải quyết vụ án cho đến phiên tòa hôm nay Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS; nguyên đơn, bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật.

Về ý kiến giải quyết nội dung vụ án: Về tài sản được tạo lập thời kỳ hôn nên được chia đôi theo qui định của pháp luật, ai nhận tài sản lớn hơn thì phải phụ chia tiền chênh lệch.

Giao cho ông Bùi Thanh T được quyền sử dụng và sở hữu các loại tài sản như sau:

- Về đất đai: Diện tích phần đất S2 có diện tích 1.087,4 m² trong đó có: 150 m² đất ở và 937,4 m² đất trồng cây lâu năm nay thành thửa số 271 tờ bản đồ số 13 tại thôn T, xã H; Thửa đất số 232, tờ bản đồ số 13, tại xóm T, xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh, có diện tích 637,4m²; Thửa đất số 102, tờ bản đồ số 13; tại xóm T, xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh, có diện tích 268,2m²; Thửa đất số 103, tờ bản đồ số 13; tại xóm T, xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh, có diện tích 331,5m²; Thửa đất số 38, tờ bản đồ số 18, tại xóm T, xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh, có diện tích 317,6m².

- Các công trình, vật, kiến trúc và cây cối được trồng trên đất được giao.

- Các tài sản đồ dùng trong nhà mà ông T hiện nay đang sử dụng.

- 01 Xe mô tô Vison, BKS 38B1-118.40, mua năm 2015, mang tên Bùi Thanh T.

Giao cho bà Phan Thị K được quyền sử dụng và sở hữu các loại tài sản như sau:

1. Về đất đai: - Diện tích phần đất S1 có diện tích 934,6 m² trong đó có: 150 m² đất ở và 784,6 m² đất trồng cây lâu năm nay thành thửa số 270 tờ bản đồ số 13 tại thôn T, xã H.

- Thửa đất số 224, tờ bản đồ số 13, tại xóm T, xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh, có diện tích 1523,2m².

- Tiếp tục duy trì hợp đồng số 237/HĐ-TT, ngày 05/7/2018 Hợp đồng thỏa thuận về việc: Sử dụng đất hoa lợi công, thửa đất số 258, tờ bản đồ số 13 tại xóm T, xã H, huyện H, nay đang hợp đồng với UBND xã H, huyện H cho đến khi hợp đồng kết thúc.

- Toàn bộ cây cối được trồng trên phần đất được giao.

- 01 Xe mô tô cúp, BKS 38FA.6730, mua năm 1981, mang tên Bùi Thanh T.

Ông Bùi Thanh T nhận tài sản lớn hơn, phải thanh toán cho bà Phan Thị K số tiền chênh lệch về tài sản.

Về yêu cầu phản tố của ông Bùi Thanh T: Không chấp nhận về nghị tòa án giải quyết chia đôi số tiền 381.420.000đ.

Ghi nhận sự thỏa thuận giữa các bên đương sự: Nguyên đơn ông Bùi Thanh T, bị đơn bà Phan Thị K và anh Lê P H, chị Phạm Thị H thỏa thuận như sau: Chuyển quyền sử dụng đất thửa số 121, tờ bản đồ số 10 có diện tích 557,5m² sang cho anh Lê P H và chị Phạm Thị H được quyền sử dụng thửa đất này.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Buộc nguyên đơn và bị đơn phải chịu.

Về án phí: Miễn nộp tiền án phí chia tài sản cho nguyên đơn và bị đơn là người cao tuổi. Trả lại cho anh Lê P H số tiền đã nộp tạm ứng án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến vị đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Căn cứ vào nơi cư trú và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn, xét vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Hà Tĩnh và quan hệ pháp luật tranh chấp là chia tài sản sau khi ly hôn, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 các Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tài sản chung: Căn cứ vào Biên bản định giá tài sản ngày 04/4/2018 của Hội đồng định giá và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như lời khai tại phiên tòa của các đương sự, Hội đồng xét xử xác định tài sản chung của vợ chồng gồm có:

2.1. Đất đai: Thửa đất số 173, tờ bản đồ số 13 tại xóm T, xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh, có diện tích 2022,0m². Trong đó, đất ở nông thôn có diện tích 300,0m² có trị giá: 45.000.000đ. đất trồng cây lâu năm có diện tích 1722,0m² có trị giá: 82.828.000đ. Thửa đất số 121, tờ bản đồ số 10 tại xóm T, xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh, có diện tích 557,5m², là đất màu có trị giá: 24.362.750đ (Các bên đã thống nhất đất đã chuyển nhượng và tách đất này cho gia đình anh Lê P H). Thửa đất số 102, tờ bản đồ số 13 tại xóm T, xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh, có diện tích 268,2m², là đất trồng lúa có trị giá: 11.720.340đ. Thửa đất số 103, tờ bản đồ số 13; tại xóm T, xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh, có diện tích 331,5m², là đất trồng lúa có trị giá: 14.486.550đ. Thửa đất số 38, tờ bản đồ số 18, tại xóm T, xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh, có diện tích 317,6m², là đất trồng lúa có trị giá: 16.238.920đ. Thửa đất số 258, tờ bản đồ số 13, (cánh đồng Xoang) tại xóm T, xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh, có diện tích 899,8m², là đất trồng cây lâu năm có trị

giá: 43.280.380đ (có định giá nhưng không giải quyết đất nhận thầu của UBND xã đang quản lý). Thửa đất số 232, tờ bản đồ số 13, tại xóm T, xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh, có diện tích 637,4m², là đất màu có trị giá: 27.854.380đ. Thửa đất số 224, tờ bản đồ số 13, tại xóm T, xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh, có diện tích 1523,2m², là đất trồng cây lâu năm có trị giá: 73.265. 920đ.

Các thửa đất trên có địa chỉ tại thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.

2.2. Công trình, vật, kiến trúc: Nhà gỗ ba gian thuộc nhóm gỗ 3-4, lợp ngói, có vách thung và cửa đi, cửa sổ bằng gỗ đầy đủ; nền nhà bê tông lát gạch hoa; mái che sân nhà cột bê tông khung sườn bằng gỗ, lợp Prô; nền sân nền bê tông lát gạch hoa có tổng trị giá: 121.161.830đ. Nhà xây 1 tầng (cấp 4) tường chịu lực, xây gạch táp lô, hệ thống xà bằng gỗ, lợp ngói, không đổ bê tông mái, lợp ngói; nền lát gạch ceramic; tường sơn, có cửa đi cửa sổ đầy đủ, có hệ thống điện, có vệ sinh khép kín có tổng trị giá: 80.406.085đ. Giếng đào có ống bi (sâu 5,6m, đường kính 0,6m) nền sân bê tông có tổng trị giá: 3.750.917đ; 01 chiếc tivi 43 in, nhãn hiệu LG, mua năm 2015, nay có trị giá: 2.450.000đ; 01 tủ lạnh Hitachi, mua năm 2018, nay có trị giá: 4.000.000đ; 01 Điều hòa, nhãn hiệu Panasonic, mua năm 2015, nay có trị giá: 3.800.000đ; 01 Máy giặt Sanyo, mua năm 2014, nay có trị giá: 1.600.000đ; 01 Bình nóng lạnh, nhãn hiệu Asiton nay có trị giá: 500.000đ; 01 Ổn áp lioa. 55KW, mua năm 2019, nay có trị giá: 700.000đ; 01 Xe máy Vison, BKS 38B1-118.40, mua năm 2015, mang tên Bùi Thanh T, nay có trị giá: 15.000.000đ; 01 xe máy Cup, BKS 38FA.6730, mua năm 1991 nay có trị giá: 2.000.000đ;

2.3. Cây cối:

* **Cây trên thửa đất 173, tờ bản đồ số 13:** Cây mít loại có quả ổn định BQ 20-50 kg/năm: có 11 cây, có tổng trị giá: 7.920.000đ; Cây Bưởi Phúc Trạch: Loại trồng từ 1 - 4 năm đã có quả dưới 20 quả/năm: 06 cây, có tổng trị giá: 3.600.000đ; Loại đã có quả ổn định bình quân từ 20 quả/năm đến dưới 40 quả: 23 cây, có tổng trị giá: 87.860.000đ; Cây Chanh loại cho quả ổn định BQ dưới 10 kg/năm: 01 cây, có trị giá: 800.000đ; Cây vải thiều loại phát triển bình th: 01 cây từ 1-4 năm, có trị giá: 200.000đ; Cây Mãng cầu loại đường kính 25cm trở lên, có trị giá: 250.000đ; Cây Du loại phát triển bình th: 01 cây từ 1-4 năm, có trị giá: 150.000đ; Cây gió trầm: + Đường kính từ 01cm - 02cm: 113 cây, có tổng trị giá: 1.638.000đ.

+ Đường kính từ 03cm - 04cm: 65 cây, có tổng trị giá: 1.287.000đ.

+ Đường kính từ 04cm - 08cm: 97 cây, có tổng trị giá: 4.462.000đ.

+ Đường kính từ 09cm - 15cm: 111 cây, có tổng trị giá: 13.209.000đ.

+ Đường kính từ 15cm - 25cm: 38 cây, có tổng trị giá: 5.510.000đ.

+ Đường kính từ 35cm - 50cm: 02 cây, có tổng trị giá: 660.000đ.

* **Cây trên thửa đất 258, tờ bản đồ số 13: Cây keo Tràm:**

+ Đường kính từ 02cm - 06cm: 120 cây, có tổng trị giá: 1.668.000đ.

+ Đường kính từ 06cm - 09cm: 100 cây, có tổng trị giá: 1.800.000đ.

+ Đường kính từ 09cm - 15cm: 200 cây, có tổng trị giá: 4.320.000đ.

*** Cây trên thửa đất 232, tờ bản đồ số 13:**

- Cây Gió Trâm:

+ Đường kính từ 01cm - 02cm: 23 cây, có tổng trị giá: 333.500đ.

+ Đường kính từ 03cm - 04cm: 55 cây, có tổng trị giá: 1.089.000đ.

+ Đường kính từ 04cm - 08cm: 25 cây, có tổng trị giá: 1.150.000đ.

+ Đường kính từ 09cm - 15cm: 18 cây, có tổng trị giá: 2.142.000đ.

*** Cây trên thửa đất 224, tờ bản đồ số 13:**

- Cây Gió Trâm:

+ Đường kính từ 01cm - 02cm: 71 cây, có tổng trị giá: 1.029.500đ.

+ Đường kính từ 03cm - 04cm: 10 cây, có tổng trị giá: 198.000đ.

+ Đường kính từ 04cm - 08cm: 18 cây, có tổng trị giá: 828.000đ.

+ Đường kính từ 09cm - 15cm: 32 cây, có tổng trị giá: 3.808.000đ.

+ Đường kính từ 15cm - 25cm: 28 cây, có tổng trị giá: 4.060.000đ.

+ Đường kính từ 25cm - 35cm: 04 cây, có tổng trị giá: 896.000đ.

- Cây Bưởi: Loại trồng trên 4 năm đã có quả từ 20 quả/năm: 11 cây, có tổng trị giá: 23.870.000đ.

- Cây mít loại có quả ổn định BQ 20-50 kg/năm: có 4 cây, có tổng trị giá: 2.880.000đ.

- Cây Keo Tràm: Đường kính từ 15cm - 20cm: 20 cây, có tổng trị giá: 480.000đ; Đường kính từ 25cm - 30cm: 01 cây, có tổng trị giá: 50.000đ.

Ngoài ra còn có một số tài sản, vật dụng khác, Bà K, ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết và thẩm định, định giá tài sản nên không xem xét giải quyết.

Về đất đai và các tài sản trên đất: Tài sản được tạo lập thời kỳ hôn nhân, sau khi ly hôn các bên đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về chia tài sản, nên bà Phan Thị K yêu cầu Tòa án giải quyết về chia tài sản sau khi ly hôn theo qui định của pháp luật. HĐXX áp dụng khoản 1, 2, 3, Điều 59; Khoản 2 Điều 62 Luật hôn nhân và gia đình bà K, ông T mỗi người sẽ được hưởng 1/2 trị giá tài sản. Theo nguyên tắc tài sản được chia bằng hiện vật, nếu không chia được bằng hiện vật thì phải phụ chia phần chênh lệch cho nhau.

Đất và tài sản trên đất tại thửa số 173, tờ bản đồ số 13: Các bên đương sự đều có nhu cầu được sử dụng, nên cần chia thửa đất làm hai phần để giao cho các bên được sử dụng. Ông Bùi Thanh T có nguyện vọng được sử dụng toàn bộ thửa đất và toàn bộ tài sản có trên đất và không nhất chia đất này cho bà K, còn các thửa đất khác giao cho bà K sử dụng. Bà Phan Thị K **không nhất trí** để ông T sử dụng hết thửa đất này, mà có nguyện vọng được chia ½ đất để sử dụng về

phần đất phía sau không có nhà, còn phần đất có nhà ở nhất trí cho ông T được sử dụng, bà K có yêu cầu được sử dụng toàn bộ thửa đất số 224, tờ bản đồ số 13 là đất trồng cây lâu năm, còn các thửa đất khác để lại cho ông T sử dụng hết, trừ phần đất đã chuyển nhượng cho gia đình anh Lê P H, vì thửa đất số 121 có diện tích 557,4m² chúng tôi đã thỏa thuận tách phần đất này cho gia đình anh H, nếu ông T nhận tài sản giá trị lớn hơn thì phải trả bằng tiền chênh lệch cho bà K.

HĐXX xét thấy sẽ chia các thửa đất và tài sản trên đất cho các bên đương sự được sử dụng và sở hữu, căn cứ tình hình thực tế, công năng sử dụng công trình gắn liền với đất, đảm bảo điều kiện sinh hoạt và tránh trường hợp đương sự phải di dời tài sản gây lãng phí. Do đó HĐXX quyết định chia như sau:

Giao cho ông Bùi Thanh T được quyền sử dụng và sở hữu tài sản như sau:

1. Về đất đai:

1.1. Thửa đất số 173, tờ bản đồ số 13 đã được cấp giấy CNQSDĐ số 908698, ngày 25/8/2015 do UBND huyện H cấp, nay được chia cho ông T sử dụng: Diện tích phần đất S2 có diện tích 1.087,4 m² trong đó có: 150 m² đất ở và 937,4 m² đất trồng cây lâu năm nay thành thửa số 271 tờ bản đồ số 13 tại thôn T, xã H có tổng trị giá: 67.588.940đ; phần đất được giao cho ông T có tứ cận cụ thể (có sơ đồ kèm theo).

1.2. Thửa đất số 232, tờ bản đồ số 13, tại xóm T, xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh, có diện tích 637,4m², là đất màu đã được cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số 046806, ngày 07/8/2018 do UBND huyện H cấp, có trị giá: 27.854.380đ.

1.3. Thửa đất số 102, tờ bản đồ số 13; tại xóm T, xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh, có diện tích 268,2m², là đất trồng lúa đã được cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số 676585, ngày 30/6/2015 do UBND huyện H cấp, có trị giá: 11.720.340đ.

1.4. Thửa đất số 103, tờ bản đồ số 13; tại xóm T, xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh, có diện tích 331,5m², là đất trồng lúa đã được cấp giấy CNQSDĐ số 046806, ngày 07/8/2018 do UBND huyện H cấp, có trị giá: 14.486.550đ.

1.5. Thửa đất số 38, tờ bản đồ số 18, tại xóm T, xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh, có diện tích 317,6m², là đất trồng lúa đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 046806, ngày 07/8/2018 do UBND huyện H cấp, có trị giá: 16.238.920đ.

2. Công trình, vật, kiến trúc gồm có:

Nhà gỗ ba gian thuộc nhóm gỗ 3-4, lợp ngói và các công trình gắn liền với nhà gỗ có tổng trị giá: 121.161.830đ; Nhà xây 1 tầng (cấp 4) và các công trình gắn liền với nhà xây có tổng trị giá: 80.406.085đ; Giếng đào có ống bi (sâu 5,6m, đường kính 0,6m) nền sân bê tông có tổng trị giá: 3.750.917đ; 01 chiếc tivi 43 in, nhãn hiệu LG, mua năm 2015, nay có trị giá: 2.450.000đ; 01 tủ lạnh Hitachi, mua năm 2018, nay có trị giá: 4.000.000đ; 01 Điều hòa, nhãn hiệu Panasonic, mua năm 2015, nay có trị giá: 3.800.000đ; 01 Máy giặt Sanyo, mua

năm 2014, nay có trị giá: 1.600.000đ; 01 Bình nóng lạnh, nhãn hiệu Asiton, nay có trị giá: 500.000đ; 01 Ổn áp lioa. 55KW, mua năm 2019, nay có trị giá: 700.000đ; 01 Xe máy Vison, BKS 38B1-118.40, mua năm 2015, mang tên Bùi Thanh T, nay có trị giá: 15.000.000đ.

3. Cây cối:

3.1. Cây cối trên thửa đất số 173, tờ bản đồ số 13 gồm có: - Cây mít loại có quả ổn định BQ 20-50 kg/năm: có 5 cây, có tổng trị giá: 3.600.000đ. - Cây Bưởi Phúc Trạch: Loại trồng từ 1 - 4 năm đã có quả dưới 20 quả/năm: 4 cây, có tổng trị giá: 2.400.000đ; Loại đã có quả ổn định bình quân từ 20 quả/năm đến dưới 40 quả: 7 cây, có tổng trị giá: 26.740.000đ. - Cây Chanh loại cho quả ổn định BQ dưới 10 kg/năm: 01 cây, có trị giá: 800.000đ. - Cây vải thiều loại phát triển bình th: 01 cây từ 1-4 năm, có trị giá: 200.000đ. - Cây Mãng cầu loại đường kính 25cm trở lên, có trị giá: 250.000đ. - Cây Du loại phát triển bình th: 01 cây từ 1-4 năm, có trị giá: 150.000đ.

- Cây gió trầm: Đường kính từ 01cm - 02cm: 37 cây, có tổng trị giá: 536.500đ; Đường kính từ 03cm - 04cm: 23 cây, có tổng trị giá: 455.400đ; Đường kính từ 04cm - 08cm: 23 cây, có tổng trị giá: 1.058.000đ; Đường kính từ 09cm - 15cm: 73 cây, có tổng trị giá: 8.687.000đ; Đường kính từ 15cm - 25cm: 16 cây, có tổng trị giá: 2.320.000đ; Đường kính từ 35cm - 50cm: 02 cây, có tổng trị giá: 660.000đ.

3.2. Cây trên thửa đất số 232, tờ bản đồ số 13 gồm có cây Gió Trầm: Đường kính từ 01cm - 02cm: 23 cây, có tổng trị giá: 333.500đ; Đường kính từ 03cm - 04cm: 55 cây, có tổng trị giá: 1.089.000đ; Đường kính từ 04cm - 08cm: 25 cây, có tổng trị giá: 1.150.000đ; Đường kính từ 09cm - 15cm: 18 cây, có tổng trị giá: 2.142.000đ.

Tổng giá trị tài sản được giao cho ông T Là: 423.829.360 đồng

Giao cho bà Phan Thị K được quyền sử dụng và sở hữu tài sản như sau:

1. Về đất đai:

1.1. Thửa đất số 173, tờ bản đồ số 13 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 908698, ngày 25/8/2015 do UBND huyện H cấp, nay được chia cho bà K sử dụng: Diện tích phần đất S1 có diện tích 934,6 m² trong đó có: 150 m² đất ở và 784,6 m² đất trồng cây lâu năm nay thành thửa số 270 tờ bản đồ số 13 tại thôn T, xã H có tổng trị giá: 60.239.260đ; phần đất được giao cho bà K có tư cận cụ thể (có sơ đồ kèm theo).

1.2. Thửa đất số 224, tờ bản đồ số 13, tại xóm T, xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh, có diện tích 1523,2m², là đất trồng cây lâu năm có trị giá: 73.265.920đ.

1.3. Thửa đất số 258, tờ bản đồ số 13 tại xóm T, xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh, có diện tích 899,8m², là đất trồng cây lâu năm, đất nhận thầu của UBND xã đang quản lý, bà K được tiếp tục duy trì hợp đồng với UBND xã H cho đến khi hợp đồng kết thúc.

2. Cây cối:

2.1. Cây cối trên thửa đất số 173, tờ bản đồ số 13 gồm có: - Cây mít loại có quả ổn định BQ 20-50 kg/năm: có 6 cây, có tổng trị giá: 4.320.000đ. - Cây Bưởi Phúc Trạch: Loại trồng từ 1 - 4 năm đã có quả dưới 20 quả/năm: 2 cây, có tổng trị giá: 1.200.000đ; Loại đã có quả ổn định bình quân từ 20 quả/năm đến dưới 40 quả: 16 cây, có tổng trị giá: 61.120.000đ. - Cây gió trầm: Đường kính từ 01cm - 02cm: 76 cây, có tổng trị giá: 1.102.000đ; Đường kính từ 03cm - 04cm: 42 cây, có tổng trị giá: 831.600đ; Đường kính từ 04cm - 08cm: 74 cây, có tổng trị giá: 3.404.000đ; Đường kính từ 09cm - 15cm: 38 cây, có tổng trị giá: 4.522.000đ; Đường kính từ 15cm - 25cm: 22 cây, có tổng trị giá: 3.190.000đ.

2.2. Cây trên thửa đất 258, tờ bản đồ số 13 gồm có cây keo Tràm: Đường kính từ 02cm - 06cm: 120 cây, có tổng trị giá: 1.668.000đ; Đường kính từ 06cm - 09cm: 100 cây, có tổng trị giá: 1.800.000đ; Đường kính từ 09cm - 15cm: 200 cây, có tổng trị giá: 4.320.000đ.

2.3. **Cây trên thửa đất 224, tờ bản đồ số 13:** - Cây Gió Tràm: Đường kính từ 01cm - 02cm: 71 cây, có tổng trị giá: 1.029.500đ; Đường kính từ 03cm - 04cm: 10 cây, có tổng trị giá: 198.000đ; Đường kính từ 04cm - 08cm: 18 cây, có tổng trị giá: 828.000đ; Đường kính từ 09cm - 15cm: 32 cây, có tổng trị giá: 3.808.000đ; Đường kính từ 15cm - 25cm: 28 cây, có tổng trị giá: 4.060.000đ; Đường kính từ 25cm - 35cm: 04 cây, có tổng trị giá: 896.000đ; Cây bưởi loại trồng trên 4 năm đã có quả từ 20 quả/năm: 11 cây, có tổng trị giá: 23.870.000đ.

- Cây mít loại có quả ổn định BQ 20-50 kg/năm: có 4 cây, có tổng trị giá: 2.880.000đ.

- Cây Keo Tràm: Đường kính từ 15cm - 20cm: 20 cây, có tổng trị giá: 480.000đ; Đường kính từ 25cm - 30cm: 01 cây, có tổng trị giá: 50.000đ.

2.4. **Cây trên thửa đất 258, tờ bản đồ số 13: Cây keo Tràm:** Đường kính từ 02cm - 06cm: 120 cây, có tổng trị giá: 1.668.000đ; Đường kính từ 06cm - 09cm: 100 cây, có tổng trị giá: 1.800.000đ; Đường kính từ 09cm - 15cm: 200 cây, có tổng trị giá: 4.320.000đ.

2.5. 01 xe máy Cup, BKS 38FA.6730, mua năm 1991, nay có trị giá: 2.000.000đ

Tổng giá trị tài sản được giao cho bà K Là: 261. 082.280 đồng.

Ông Bùi Thanh T và bà Phan Thị K có quyền đến gặp các cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục cấp, đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Do tài sản sau khi được chia bằng hiện vật của ông T nhiều hơn của bà K: 162.747.080 đồng cho nên ông T phải thanh toán cho bà K phần chênh lệch tài sản là: 81.373.540 đồng tương ứng số tiền chênh lệch. Buộc ông Bùi Thanh T phải thanh toán số tiền 81.373.540 đồng cho bà Phan Thị K.

[3] Đối với yêu cầu của ông T đề nghị chia đôi số tiền hiện nay bà K đang nắm giữ là: 381.420.000đ bà K không chấp nhận, bà cho rằng những khoản tiền này trong thời kỳ hôn nhân đã chi tiêu chung trong gia đình, như xây dựng các công trình nhà xây và công trình liên kề và tiền bán đất nông nghiệp xây dựng công trình vệ sinh; Tiền bán cây gió năm 2015 và tiền tích góp thêm đủ số tiền 200.000.000đ hai bên thống nhất cho các con, cho con gái số tiền 100.000.000đ làm nhà, cho con trai số tiền 100.000.000đ cưới vợ; tiền bán cây gió năm 2017 ông T khai như vậy là không có; số tiền tiết kiệm 80.000.000đ đã rút về chi trả cho việc xây dựng công trình nhà xây và mua sắm lắp đặt các thiết bị mới trong nhà; xây dựng qui tập mộ các cụ vào nghĩa trang; ông T kê khai bà đang cầm giữ 13 chỉ vàng bà cho rằng là không có, chỉ có 3 chỉ, 1 chỉ con gái gửi cho mẹ giữ nay con đã lấy lại, còn 2 chỉ hai con tặng mẹ sinh nhật; tiền mua cây và trồng cây bà không chấp nhận ông tự ý bán cây gió to sau đó ông trồng lại, bà đi trông cháu cho con trai, ông T ở nhà nhận lương của bà về đã chi trả cho việc trồng cây. Ý kiến chị Bùi Hà P con gái ông T, bà K có ý kiến năm 2016 chị P được cha mẹ thống nhất cho số tiền 100.000.000đ, số tiền này do cha mẹ bán cây gió trăm mà có, chị P có một chỉ vàng có gửi cho bà K cất dùm, nay đã lấy lại, cuối năm 2018 chị P có tặng mẹ một chỉ vàng nhân dịp sinh nhật mẹ, đây là tài sản tặng riêng mẹ. Ý kiến anh Bùi Trường V con trai ông, bà cũng có ý kiến năm 2016 được cha mẹ tặng cho số tiền 100.000.000đ để làm lễ cưới, hai cha mẹ đã thống nhất cho, anh V nhất trí vì đây là tiền bán cây gió trong vườn của cha mẹ đã cho, năm 2018 anh V có tặng mẹ 01 chỉ vàng nhân dịp sinh nhật mẹ, đây là tài sản tặng riêng mẹ. Trong quá trình giải quyết ông T có đưa ra 01 cuốn sổ ghi nội dung ngày 01/6/2019, sáng bà K đi làm chứng minh nhân dân, ông T giao cho bà K gồm: sổ Bảo hiểm; thẻ tiết kiệm (tám mươi triệu); mười ba khâu vàng; lương tháng 5 mà ông T ghi vào sổ của ông và ông T cho rằng bà K đã ký nhận vào sổ, bà K không thừa nhận nội dung này, chữ ký không phải do bà K ký, **trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã yêu cầu ông T cung cấp tài liệu, chứng cứ bản gốc**, nhưng bị đơn không cung cấp tài liệu này theo yêu cầu của Tòa án và Tòa án đã yêu nguyên đơn, bị đơn làm đơn yêu trưng cầu giám định chữ viết nhưng không ai có yêu cầu. Từ những nhận định trên HĐXX **không có cơ sở để chấp** yêu cầu phản tố của ông T đề nghị chia đôi số tiền 381.420.000đ.

[4] Ngày 24/12/2014 ông T và bà K làm giấy chuyển nhượng vợ chồng anh Lê P H 01 thửa đất sản xuất nông nghiệp, tại cánh đồng Rì rì, bên bán và bên mua đã giao nhận tiền đầy đủ. Giấy chuyển nhượng có xác nhận của xóm và UBND xã H, nhưng chưa làm thủ tục sang tên thửa đất. Năm 2015 ông T, bà K vẫn kê khai đất này và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 676585, ngày 30/6/2015, có thửa đất số 121, tờ bản đồ số 10 tại xóm T, xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh, có diện tích 557,5m², là đất màu, nay anh H biết ông bà đang giải quyết vụ án chia tài sản chung tại Tòa án, nên đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông T, bà K phải tách diện tích đất này cho gia đình anh H, để làm thủ tục sang tên được sử dụng hợp pháp. Qua xem xét thẩm định tại chỗ đất này thuộc thửa số 121, có diện tích 557,5m². Xét yêu cầu vợ chồng anh H là hợp pháp, tại phiên tòa ông T, bà K và anh Lê P H đã thống nhất là đất này đã

chuyển cho vợ chồng anh H từ năm 2014 và các bên đã thỏa thuận được với nhau tại phiên tòa, nhất trí việc chuyển quyền sử dụng thửa đất số 121, tờ bản đồ số 10, có diện tích 557,5m² mang tên Bùi Thanh T và Phan Thị K sang cho anh Lê P H và chị Phạm Thị H, để được làm thủ tục sang tên, sử dụng đất hợp pháp cho vợ chồng anh H. Do đó Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của các bên đương sự theo quy định tại Điều 60 Luật Hôn nhân và gia đình. Anh Lê P H có quyền đến gặp các cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục cấp, đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

[5] Về chi phí tố tụng:

Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản hết số tiền 10.217.000đ, bà Phan Thị K đã nộp đầy đủ số tiền 10.217.000đ, tại phiên tòa bà K yêu cầu chia đôi số tiền này và buộc ông Bùi Thanh T phải chịu $\frac{1}{2}$ số tiền là 5.108.500đ, ông T không nhất trí nộp. Do tài sản được chia là tài sản chung, nên mỗi người được chia tài sản phải chịu chi phí này, nên buộc ông T và bà K mỗi người phải nộp 5.108.500đ. Nay buộc ông Bùi Thanh T phải trả cho bà Phan Thị K số tiền 5.108.500đ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản theo quy định tại khoản 2 Điều 157, Điều 158, khoản 2 Điều 165, khoản 2 Điều 166 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[6] Về án phí: Buộc nguyên đơn và bị đơn phải nộp án dân sự phí sơ thẩm, nhưng là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền án phí. Trả lại cho anh Lê P H số tiền đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Về quyền kháng cáo đối với bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, 2, 3, 4 Điều 59; Điều 60; khoản 2 Điều 62 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 147; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm **b** khoản 1 Điều 24; điểm **b** Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết quy định về mức thu, nộp, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

I. Về tài sản chung được chia cho các bên như sau:

* Giao ông Bùi Thanh T được quyền sử dụng, sở hữu như các loại tài sản sau:

1. Đất đai:

1.1. Thửa đất số 173, tờ bản đồ số 13 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 908698, ngày 25/8/2015 do UBND huyện H cấp, nay được chia cho ông T sử dụng: Diện tích phần đất S2 có diện tích 1.087,4 m² trong đó có: 150 m² đất ở và 937,4 m² đất trồng cây lâu năm nay thành thửa số 271 tờ bản đồ

số 13 tại thôn T, xã H có tổng trị giá: 67.588.940đ; phần đất được giao cho ông T có tư cận cụ thể (có sơ đồ kèm theo) như sau:

- Phía đông: Giáp thửa đất số 197; đường ngõ đi vào phần đất ông giao T và thửa đất số 212 có tổng chiều dài: 48m. (từ điểm số 4 đến điểm số 5 đến điểm số 6 đến điểm số 7 đến điểm số 8 đến điểm số 9 đến điểm số 10 đến điểm số 11 đến điểm số 12).

- Phía tây: Giáp thửa đất được giao cho bà K có tổng chiều dài: 43,67m. (từ điểm số 14 đến điểm số 21 đến điểm số 2).

- Phía nam: Giáp thửa số 200 có tổng chiều dài: 23,87m. (từ điểm số 12 đến điểm số 13 đến điểm số 14).

- Phía bắc: Giáp đường dân cư có tổng chiều dài: 25,2m. (từ điểm số 2 đến điểm số 3 đến điểm số 4).

1.2. Thửa đất số 232, tờ bản đồ số 13, tại xóm T, xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh, có diện tích 637,4m², là đất màu đã được cấp giấy CNQSDĐ số 046806, ngày 07/8/2018 do UBND huyện H cấp, có trị giá: 27.854.380đ.

1.3. Thửa đất số 102, tờ bản đồ số 13; tại xóm T, xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh, có diện tích 268,2m², là đất trồng lúa đã được cấp giấy CNQSDĐ số 676585, ngày 30/6/2015 do UBND huyện H cấp, có trị giá: 11.720.340đ.

1.4. Thửa đất số 103, tờ bản đồ số 13; tại xóm T, xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh, có diện tích 331,5m², là đất trồng lúa đã được cấp giấy CNQSDĐ số 046806, ngày 07/8/2018 do UBND huyện H cấp, có trị giá: 14.486.550đ.

1.5. Thửa đất số 38, tờ bản đồ số 18, tại xóm T, xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh, có diện tích 317,6m², là đất trồng lúa đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 046806, ngày 07/8/2018 do UBND huyện H cấp, có trị giá: 16.238.920đ.

2. Công trình, vật, kiến trúc gồm có:

- Nhà gỗ ba gian thuộc nhóm gỗ 3-4, lợp ngói, có vách thung và cửa đi, cửa sổ bằng gỗ đầy đủ; nền nhà bê tông lát gạch hoa; mái che sân nhà cột bê tông khung sườn bằng gỗ, lợp Prô; nền sân nền bê tông lát gạch hoa có tổng trị giá: 121.161.830đ. Nhà xây 1 tầng (cấp 4) tường chịu lực, xây gạch táp lô, hệ thống xà bằng gỗ, lợp ngói, không đổ bê tông mái, lợp ngói; nền lát gạch ceramic; tường sơn, có cửa đi cửa sổ đầy đủ, có hệ thống điện, có vệ sinh khép kín có tổng trị giá: 80.406.085đ. Giếng đào có ống bi (sâu 5,6m, đường kính 0,6m) nền sân bê tông có tổng trị giá: 3.750.917đ.

- 01 chiếc tivi 43 in, nhãn hiệu LG, có trị giá: 2.450.000đ;

- 01 tủ lạnh Hitachi, có trị giá: 4.000.000đ;

- 01 Điều hòa, nhãn hiệu Panasonic, nay có trị giá: 3.800.000đ;

- 01 Máy giặt Sanyo, có trị giá: 1.600.000đ;

- 01 Bình nóng lạnh, nhãn hiệu Asiton, có trị giá: 500.000đ;

- 01 Ổn áp lioa. 55KW, có trị giá: 700.000đ;
- 01 Xe máy Vison, BKS 38B1-118.40 mang tên Bùi Thanh T, có trị giá: 15.000.000đ;

3. Cây cối:

3.1. Cây cối trên thửa đất số 173, tờ bản đồ số 13 gồm có:

- Cây mít loại có quả ổn định BQ 20-50 kg/năm: có 5 cây, có tổng trị giá: 3.600.000đ.
 - Cây Bưởi Phúc Trạch:
 - + Loại trồng từ 1 - 4 năm đã có quả dưới 20 quả/năm: 4 cây, có tổng trị giá: 2.400.000đ.
 - + Loại đã có quả ổn định bình quân từ 20 quả/năm đến dưới 40 quả: 7 cây, có tổng trị giá: 26.740.000đ.
 - Cây Chanh loại cho quả ổn định BQ dưới 10 kg/năm: 01 cây, có trị giá: 800.000đ.
 - Cây vải thiều loại phát triển bình tH: 01 cây từ 1-4 năm, có trị giá: 200.000đ.
 - Cây Mưng loại đường kính 25cm trở lên, có trị giá: 250.000đ
 - Cây Du loại phát triển bình tH: 01 cây từ 1-4 năm, có trị giá: 150.000đ
 - Cây gió trầm:
 - + Đường kính từ 01cm - 02cm: 37 cây, có tổng trị giá: 536.500đ.
 - + Đường kính từ 03cm - 04cm: 23 cây, có tổng trị giá: 455.400đ.
 - + Đường kính từ 04cm - 08cm: 23 cây, có tổng trị giá: 1.058.000đ.
 - + Đường kính từ 09cm - 15cm: 73 cây, có tổng trị giá: 8.687.000đ.
 - + Đường kính từ 15cm - 25cm: 16 cây, có tổng trị giá: 2.320.000đ.
 - + Đường kính từ 35cm - 50cm: 02 cây, có tổng trị giá: 660.000đ.
- #### 3.2. Cây trên thửa đất số 232, tờ bản đồ số 13 gồm có cây Gió Trầm
- + Đường kính từ 01cm - 02cm: 23 cây, có tổng trị giá: 333.500đ.
 - + Đường kính từ 03cm - 04cm: 55 cây, có tổng trị giá: 1.089.000đ.
 - + Đường kính từ 04cm - 08cm: 25 cây, có tổng trị giá: 1.150.000đ.
 - + Đường kính từ 09cm - 15cm: 18 cây, có tổng trị giá: 2.142.000đ

Tổng giá trị tài sản được giao cho ông T Là: 423.829.360 đồng.

* Giao cho bà Phan Thị K được quyền sử dụng và sở hữu các loại tài sản như sau:

1. Về đất đai:

1.1. Thửa đất số 173, tờ bản đồ số 13 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 908698, ngày 25/8/2015 do UBND huyện H cấp, nay được chia cho bà K sử dụng: Diện tích phần đất S1 có diện tích 934,6 m² trong đó có: 150 m² đất ở và 784,6 m² đất trồng cây lâu năm nay thành thửa số 270 tờ bản đồ số 13 tại thôn T, xã H có tổng trị giá: 60.239.260đ; phần đất được giao cho bà K có tứ cận cụ thể (có sơ đồ kèm theo) như sau:

- Phía đông: Giáp đất ông T có tổng chiều dài: 43,67m. (từ điểm số 14 đến điểm số 21 đến điểm số 2).

- Phía tây: Giáp thửa đất số 166 và thửa đất số 1174 có tổng chiều dài: 40,09m. (từ điểm số 16 đến điểm số 17 đến điểm số 18 đến điểm số 19 đến điểm số 20 đến điểm số 1).

- Phía nam: Giáp thửa số 200 có tổng chiều dài: 27,02m. (từ điểm số 14 đến điểm số 15 đến điểm số 16).

- Phía bắc: Giáp đường dân cư có tổng chiều dài: 18,31m. (từ điểm số 1 đến điểm số 2).

1.2. Thửa đất số 224, tờ bản đồ số 13, tại xóm T, xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh, có diện tích 1523,2m², là đất trồng cây lâu năm có trị giá: 73.265. 920đ.

1.3. Tiếp tục duy trì hợp đồng số 237/HĐ-TT, ngày 05/7/2018 Hợp đồng thỏa thuận về việc: Sử dụng đất hoa lợi công, Thửa đất số 258, tờ bản đồ số 13 tại xóm T, xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh, có diện tích 899,8m², là đất trồng cây lâu năm, nay đang hợp đồng với UBND xã H, huyện H cho đến khi hợp đồng kết thúc.

2. Cây cối:

2.1. Cây cối trên thửa đất số 173, tờ bản đồ số 13 gồm có:

- Cây mít loại có quả ổn định BQ 20-50 kg/năm: có 6 cây, có tổng trị giá: 4.320.000đ.

- Cây Bưởi Phúc Trạch:

+ Loại trồng từ 1 - 4 năm đã có quả dưới 20 quả/năm: 2 cây, có tổng trị giá: 1.200.000đ.

+ Loại đã có quả ổn định bình quân từ 20 quả/năm đến dưới 40 quả: 16 cây, có tổng trị giá: 61.120.000đ.

- Cây gió trầm:

+ Đường kính từ 01cm - 02cm: 76 cây, có tổng trị giá: 1.102.000đ.

+ Đường kính từ 03cm - 04cm: 42 cây, có tổng trị giá: 831.600đ.

+ Đường kính từ 04cm - 08cm: 74 cây, có tổng trị giá: 3.404.000đ.

+ Đường kính từ 09cm - 15cm: 38 cây, có tổng trị giá: 4. 522.000đ.

+ Đường kính từ 15cm - 25cm: 22 cây, có tổng trị giá: 3.190.000đ.

2.2. Cây trên thửa đất 258, tờ bản đồ số 13 gồm có cây keo Tràm:

+ Đường kính từ 02cm - 06cm: 120 cây, có tổng trị giá: 1.668.000đ.

+ Đường kính từ 06cm - 09cm: 100 cây, có tổng trị giá: 1.800.000đ.

+ Đường kính từ 09cm - 15cm: 200 cây, có tổng trị giá: 4.320.000đ.

2.3. **Cây trên thửa đất 224, tờ bản đồ số 13:**

- Cây Gió Tràm:

+ Đường kính từ 01cm - 02cm: 71 cây, có tổng trị giá: 1.029.500đ.

+ Đường kính từ 03cm - 04cm: 10 cây, có tổng trị giá: 198.000đ.

+ Đường kính từ 04cm - 08cm: 18 cây, có tổng trị giá: 828.000đ.

+ Đường kính từ 09cm - 15cm: 32 cây, có tổng trị giá: 3.808.000đ.

+ Đường kính từ 15cm - 25cm: 28 cây, có tổng trị giá: 4.060.000đ.

+ Đường kính từ 25cm - 35cm: 04 cây, có tổng trị giá: 896.000đ.

- Cây bưởi loại trồng trên 4 năm đã có quả từ 20 quả/năm: 11 cây, có tổng trị giá: 23.870.000đ.

- Cây mít loại có quả ổn định BQ 20-50 kg/năm: có 4 cây, có tổng trị giá: 2.880.000đ.

- Cây Keo Tràm:

+ Đường kính từ 15cm - 20cm: 20 cây, có tổng trị giá: 480.000đ.

+ Đường kính từ 25cm - 30cm: 01 cây, có tổng trị giá: 50.000đ.

2.4. **Cây trên thửa đất 258, tờ bản đồ số 13: Cây keo Tràm:**

+ Đường kính từ 02cm - 06cm: 120 cây, có tổng trị giá: 1.668.000đ.

+ Đường kính từ 06cm - 09cm: 100 cây, có tổng trị giá: 1.800.000đ.

+ Đường kính từ 09cm - 15cm: 200 cây, có tổng trị giá: 4.320.000đ.

2.5. 01 xe máy Cup, BKS 38FA.6730, mua năm 1991, lúc mua giá trị 15.000.000đ, nay có trị giá: 2.000.000đ

Tổng giá trị tài sản được giao cho bà K Là: 261. 082.280đ.

II. Buộc ông Bùi Thanh T phải trả cho bà Phan Thị K số tiền: 81.373.540 đồng số tiền phụ chia chênh lệch về tài sản.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự.

III. Về yêu cầu phản tố của ông Bùi Thanh T: Không chấp nhận yêu cầu phản tố, đề nghị tòa án giải quyết chia đôi số tiền 381.420.000đ.

IV. Công nhận sự thỏa thuận giữa các bên đương sự: Nguyên đơn ông Bùi Thanh T, bị đơn bà Phan Thị K và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh

Lê P H và chị Phạm Thị H thỏa thuận như sau: Chuyển quyền sử dụng đất thửa số 121, tờ bản đồ số 10 có diện tích 557,5m², tại xóm T, xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 676585, ngày 30/6/2015 mang tên ông Bùi Thanh T và bà Phan Thị K sang cho anh Lê P H và chị Phạm Thị H được quyền sử dụng và làm các thủ tục sang tên, sử dụng đất hợp pháp.

Ông Bùi Thanh T; bà Phan Thị K; Anh Lê P H và chị Phạm Thị H có quyền đến gặp các cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục cấp, đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

V. Về chi phí tố tụng: Ông Bùi Thanh T phải trả cho bà Phan Thị K số tiền: 5.108.500 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

VI. Về án phí: Miễn nộp tiền án phí chia tài sản ông Bùi Thanh T phải trả cho bà Phan Thị K. Trả cho anh Lê P H số tiền đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0007832 ngày 15/6/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

VII. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND huyện H;
- Các đương sự;
- UBND xã H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Lưu hồ sơ; VP-TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Phú

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN

**THẨM PHÁN
CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Quốc Thảo

Phạm Ngạch

Lê Văn Phú

